

Bản án số: 104 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 /12/ 2019

V/v: “ chia tài sản chung sau ly hôn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNG SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc " Chia tài sản chung sau ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Xuân Ph, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 36 phường K quận Ng, TP Đà Nẵng; hiện tạm trú 205 đường Ng, phường K, TP ĐN. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 36 phường K ,quận Ng, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17/6/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Ph trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau chung sống đến tháng 7/2019 thì ly hôn, được Tòa án giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 63/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019. Tại quyết định này về phần tài sản chung ghi không yêu cầu tòa án giải quyết, tuy nhiên sau khi ly hôn chúng tôi không giải quyết được với nhau về tài sản này, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 01 lô đất thuộc thửa đất số 50/49, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: đất tại Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK476471 do sở tài nguyên nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018 cho ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thái Ng. Ngày 17 /4/ 2019 điều chỉnh biến động sang tên chúng tôi Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Xuân Ph. Nay tôi yêu cầu chia tài sản chung này theo qui định pháp luật cho tôi hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Xuân Ph kết hôn với nhau và chung sống đến tháng 7 /2019 thì ly hôn và được Tòa án giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 63/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019. Tại quyết định này về phần tài sản chung thể hiện không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với tài sản chung vợ chồng có là 01 lô đất thuộc thửa đất số 50/49, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: đất tại Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK476 471 do sở tài nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018 và được điều chỉnh biến động sang tên chúng tôi Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Xuân Ph. Đối với nguồn gốc tài sản có được này là do trước đây khi chưa cưới bà Ph bố mẹ tôi có cho tôi nhà đất tại phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, sau khi vợ chồng cưới nhau tôi đi làm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất có đồng ý cho bà Ph cùng đứng tên, đến 2018 vợ chồng bán ngôi nhà này và tháng 3/2019 vợ chồng mua lại lô đất hiện vợ chồng đứng tên nêu trên.

Nay bà Ph yêu cầu chia tài sản chung nói trên theo qui định pháp luật thì tôi không đồng ý, mà đề nghị để lại tài sản cho 3 con sau này các cháu có nơi để ở ổn định cuộc sống các con sau này.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn có lúc chưa chấp hành đúng.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Ph đối với ông Nguyễn Văn H về việc chia tài sản chung sau ly hôn là 01 lô đất tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 50/49, địa chỉ: Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK476 471 do sở tài nguyên nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Xuân Ph cho mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Cụ thể ông H được hưởng số tiền 680.355.700đ đồng và bà Ph được hưởng hưởng số tiền 680.355.700đ đồng .

Giao cho ông H được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất nêu trên, ông H có nghĩa vụ thời trả cho bà Ph số tiền 680.355.700đ đồng. ông H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có chức năng để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và phải chịu mọi chi phí nếu có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Ph nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Xuân Ph và ông Nguyễn Văn H ly hôn theo Quyết định số 62/2019/HNGĐ-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn. Khi ly hôn vợ chồng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản

chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn do cả hai ông bà không thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung. Do vậy, bà Ph đã gửi đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết chia tài sản chung 01 lô đất tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 50/49, địa chỉ: Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK476 471 do sở tài nguyên nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018 và đã được điều chỉnh biến động đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Xuân Ph.

Theo chứng thẩm định giá số 5190287/CT- BTCVALUEĐN ngày 12/11/2018 Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCVALUE kết luận thì tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 1.360.711.400 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn bốn trăm đồng).

Tại phiên tòa, bà Ph yêu cầu chia trị giá $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên theo qui định của pháp luật, bà đề nghị được nhận tiền. Ông H ông không đồng ý chia tài sản chung trên mà đề nghị để lại cho các con sau này có nơi ở ổn định.

[2.1] Xét yêu cầu và quá trình tạo dựng tài sản chung của các bên đương sự thì thấy: Việc nguồn gốc có được số tiền để mua lô đất tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 50/49, địa chỉ: Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có Giấy chứng nhận đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Xuân Ph, xuất phát từ trước khi cưới bà Ph bố mẹ ông H cho riêng ông H nhà đất tại phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận. Trong quá trình chung sống ông đã đồng ý cho bà Ph cùng đứng tên trong giấy chứng nhận của ngôi nhà này. Do đó thấy tài sản chung đã được tạo lập từ thời điểm này là có cơ sở. Tháng 8/2018 ông bà bán nhà đất này và đến tháng 3/2019 ông bà mua lại lô đất hiện đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do vậy thấy cần chia đều cho các bên được hưởng phần bằng nhau là phù hợp. Theo chứng thẩm định giá số 5190287/CT- BTCVALUEĐN ngày 12/11/2018 Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCVALUE kết luận thì tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông bà là 1.360.711.400 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn bốn trăm đồng). Cụ thể chia mỗi người được

hưởng 50% giá trị tài sản chung tương đương với số tiền 680.355.700đ(Sáu trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm đồng). Cần giao lô đất trên cho ông H được quyền sở hữu, sử dụng, ông H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Ph số tiền 680.355.700đ(Sáu trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm đồng). Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Ph và không chấp nhận yêu cầu của ông H.

[2.2]ông H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có chức năng để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và phải chịu mọi chi phí nếu có.

[3] Về chi phí định giá tài sản: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản mà họ được chia, do đó mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này là phù hợp. Trước đây bà Ph đã nộp 7.000.000đ nay cần phải buộc ông H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Ph số tiền 3.500.000đ chi phí định giá này. Riêng đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Ph tự nguyện chịu(đã nộp và chi xong) nên không đề cập đến.

[4] Án phí HNGĐ sơ thẩm về việc chia tài sản chung: bà Ph và ông H phải chịu theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị phần tài sản mà ông bà được chia. Cụ thể phần mỗi người phải chịu là 31.214.228đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn" của bà Nguyễn Thị Xuân Ph đối với đối với ông Nguyễn Văn H.

Xử:

1. Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị Xuân Ph và ông Nguyễn Văn H gồm có: 01 lô đất tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 50/49, địa chỉ: Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK476 471 do sở tài nguyên nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018 hiện đã được điều chỉnh biến động đứng tên bà Nguyễn Thị Xuân Ph và ông Nguyễn Văn H có giá trị là 1.360.711.400 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn bốn trăm đồng).

2. Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, sử dụng 01 lô đất tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 50/49, địa chỉ: Khối phố Hà Bản, phường Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK476 471 do sở tài nguyên nguyên và môi trường Quảng Nam cấp ngày 02/02/2018, hiện đã được điều chỉnh biến động đứng tên bà Nguyễn Thị Xuân Ph và ông Nguyễn Văn H có giá trị là 1.360.711.400 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn bốn trăm đồng).

3. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Ph số tiền tiền 680.355.700đ đồng(Sáu trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm đồng).

4. Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ và phải chịu mọi thuế, phí điều chỉnh nếu có

5. Chi phí định giá tài sản: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) bà Ph và ông H mỗi người phải chịu 3.500.000đ đồng, bà Ph đã nộp 7. 000.000 đồng nên buộc ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Ph số tiền 3.500.000đồng.

6. Án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị Xuân Ph phải chịu 31.214.228 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0009680 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án

dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn lại bà Ph tiếp tục phải nộp là 26.214.228 đồng. Ông Nguyễn Văn H phải chịu là 31.214.228 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Anh